

# KHẢO SÁT VỀ KỸ NĂNG NGHE TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA NHỮNG NGƯỜI DỰ THI HSK: TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hồng Hạnh<sup>1</sup>

Email: honghanh.bmnn@gmail.com; ORCID: 0009-0008-2822-5400

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026

Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1218

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự mở rộng mạnh mẽ của các mối quan hệ hợp tác quốc tế, việc học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Trung, ngày càng trở nên cần thiết. Cùng với đó, chứng chỉ HSK - thước đo năng lực tiếng Trung được công nhận rộng rãi cũng thu hút sự quan tâm của đông đảo người học, nhất là những người có định hướng du học, làm việc hoặc giao lưu văn hóa với Trung Quốc. Trong bốn kỹ năng thì nghe được cho là kỹ năng khó đòi hỏi sinh viên không chỉ biết nhiều từ vựng mà còn nhuần nhuyễn về các cấu trúc ngữ pháp các thành ngữ trong tiếng Trung. Bên cạnh đó, sinh viên chưa xác định được phương pháp học tập và luyện tập kỹ năng nghe phù hợp và hiệu quả, dẫn đến việc ôn luyện chưa đạt kết quả như mong muốn, đặc biệt trong các kỳ thi HSK. Những khó khăn này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng bài thi mà còn tác động trực tiếp đến thành tích thi cử của người học. Trên cơ sở phân tích các dữ liệu thu thập được, nghiên cứu đã tiến hành đánh giá nguyên nhân của những hạn chế của sinh viên trong kỹ năng nghe. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp thiết thực và định hướng học tập hiệu quả nhằm giúp người học cải thiện kỹ năng nghe tiếng Trung. Hai phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp nghiên cứu định lượng sử dụng bảng câu hỏi để thu thập dữ liệu từ số lượng lớn sinh viên và phương pháp nghiên cứu định tính bao gồm phỏng vấn, quan sát và phân tích tài liệu.

**Từ khóa:** kỹ năng nghe, HSK, sinh viên, tiếng Trung, phương pháp học nghe

## I. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Trong những năm gần đây, kỹ năng nghe tiếng Trung trong kỳ thi HSK đã trở thành đối tượng nghiên cứu được quan tâm rộng rãi trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung như ngoại ngữ. Tại Việt Nam, nghiên

cứu của Lư, (2019) trong công trình “Chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam” chỉ ra rằng người học chủ yếu sử dụng chiến lược nghe ở mức trung bình và việc vận dụng hiệu quả các chiến lược có ảnh hưởng tích

<sup>1</sup> Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam

cực đến kết quả học tập. Tại Trung Quốc, Qian, (2007) với công trình “A Study on Listening Strategies of Chinese as a Foreign Language Learners” đã chỉ ra rằng sự khác biệt về giới tính không ảnh hưởng đáng kể đến việc sử dụng chiến lược nghe. Tương tự, Xu và Zhou, (2016) trong nghiên cứu “An Empirical Study on Listening Strategy Use in CFL Learning” cũng khẳng định tính phổ quát của các chiến lược nghe trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ. Bên cạnh đó, Wang, (2013) với nghiên cứu “The Relationship Between Listening Strategies and Listening Proficiency” và Wu, (2018) trong “Metacognitive Strategies in Chinese Listening Comprehension” đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của các chiến lược nhận thức và siêu nhận thức trong việc nâng cao năng lực nghe hiểu, đặc biệt trong các bài kiểm tra chuẩn hóa như HSK.

Bảng 1: Số lượng sinh viên dự thi các mức độ HSK khác nhau

Chỉ số HSK	Số lượng sinh viên dự thi	Tỷ lệ %
HSK3	150	28.85
HSK4	180	34.62
HSK5	120	23.08
HSK6	70	13.46

### 2.2. Địa điểm và thời gian khảo sát

Khảo sát được thực hiện tại các trường đại học nêu trên, ở khu vực Hà Nội. Thời gian tiến hành khảo sát kéo dài trong năm học 2024-2025, từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025. Đây là giai đoạn sinh viên ôn luyện để tham gia các kỳ thi HSK, do đó dữ liệu thu thập có tính cập nhật và phản ánh đúng thực trạng học tập.

Nhìn chung, các công trình trên đã góp phần làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nghe tiếng Trung. Tuy nhiên, các nghiên cứu gắn trực tiếp với kỳ thi HSK và đối tượng sinh viên tại các trường đại học ở Hà Nội vẫn còn hạn chế, cho thấy sự cần thiết của những nghiên cứu khảo sát thực tiễn sâu hơn trong bối cảnh này

## II. Phương pháp nghiên cứu.

### 2.1. Đối tượng khảo sát

Nghiên cứu được tiến hành trên tổng số 520 sinh viên đang theo học tiếng Trung tại một số trường đại học ở Hà Nội bao gồm: Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Học Viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Các đối tượng khảo sát đều là sinh viên đã và đang ôn luyện để tham gia kỳ thi HSK ở các cấp độ khác nhau. Cụ thể:

### 2.3. Phương pháp và cách thức tiến hành khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát định lượng kết hợp với phân tích mô tả. Cụ thể, quá trình khảo sát được tiến hành qua nhiều bước, bắt đầu từ việc thiết kế bảng hỏi (questionnaire) với các nhóm câu hỏi chính bao gồm thói quen và phương pháp luyện nghe, những khó khăn khi luyện nghe tiếng Trung, cũng như các trở ngại cụ thể ở từng cấp độ HSK (từ HSK3 đến HSK6). Bảng hỏi

được triển khai dưới hai hình thức là trực tuyến thông qua Google Forms và phát trực tiếp tại lớp học. Trong quá trình thu thập dữ liệu, sinh viên trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và lựa chọn những phương án phù hợp với bản thân. Sau khi thu thập, dữ liệu được tổng hợp, mã hóa và xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả, chủ yếu thông qua việc tính tỷ lệ phần trăm, từ đó xây dựng các bảng số liệu và biểu đồ phục vụ cho việc phân tích

### III. Cơ sở lý thuyết

#### 3.1. Khái niệm kỹ năng nghe trong dạy học ngoại ngữ

Kỹ năng nghe (listening skill) có thể hiểu đơn giản là khả năng hiểu được thông tin khi người khác nói. Tuy nhiên, trong quá trình học ngoại ngữ, nghe không chỉ là việc tiếp nhận âm thanh mà còn là một hoạt động đòi hỏi người học phải xử lý thông tin, nhận diện từ vựng, cấu trúc câu và suy đoán ý nghĩa dựa vào ngữ cảnh. Theo Micheal, (2011) trong cuốn Teaching and Researching Listening, tác giả cho rằng nghe là một quá trình tương tác, trong đó người học chủ động sử dụng kiến thức của mình để hiểu thông điệp. Bên cạnh đó, Stephen, (1985) trong The Input Hypothesis: Issues and Implications cho rằng người học sẽ tiếp thu ngôn ngữ tốt hơn khi được tiếp xúc với nguồn đầu vào phù hợp với trình độ của mình. Nếu nội dung nghe quá khó, người học dễ bị quá tải; ngược lại, nếu quá dễ thì hiệu quả học tập sẽ không cao. Ở góc độ nhận thức, John, (1995) trong Cognitive Psychology and Its Implications nhấn mạnh rằng quá trình nghe liên quan đến việc xử lý thông

tin và sự phối hợp giữa các hệ thống trí nhớ. Tóm lại, kỹ năng nghe không phải là một kỹ năng đơn giản mà là sự kết hợp của nhiều yếu tố khác nhau, từ ngôn ngữ, nhận thức đến bối cảnh giao tiếp, và đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển khả năng sử dụng ngoại ngữ.

#### 3.2. Lý thuyết tiếp cận ngôn ngữ (Input Hypothesis)

Lý thuyết tiếp nhận ngôn ngữ (Input Hypothesis) của Stephen, (1985) cho rằng việc tiếp thu ngôn ngữ diễn ra khi người học được tiếp xúc với nguồn đầu vào có thể hiểu được (comprehensible input), với mức độ cao hơn một chút so với năng lực hiện tại ( $i+1$ ). Áp dụng vào việc dạy và học kỹ năng nghe tiếng Trung, điều này đòi hỏi tài liệu nghe phải phù hợp với trình độ người học nhằm tránh gây quá tải hoặc thiếu tính thử thách. Đồng thời, nội dung nghe cần mang tính thực tiễn, có thể suy đoán dựa trên ngữ cảnh để hỗ trợ quá trình hiểu. Bên cạnh đó, việc tạo ra môi trường nghe đa dạng và liên tục cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng tiếp nhận ngôn ngữ. Như vậy, lý thuyết này nhấn mạnh rằng việc tiếp xúc thường xuyên với ngôn ngữ thông qua nghe sẽ giúp người học hình thành phản xạ và phát triển năng lực ngôn ngữ một cách tự nhiên.

#### 3.3. Lý thuyết xử lý thông tin (Information Processing Theory)

Lý thuyết này cho rằng quá trình nghe là một chuỗi các giai đoạn nhận thức liên tiếp, bao gồm việc tiếp nhận tín hiệu âm thanh, nhận diện âm vị và từ vựng, phân tích cấu trúc ngữ pháp và cuối cùng

là hiểu ý nghĩa trong ngữ cảnh. Quá trình này đòi hỏi người học phải xử lý và liên kết thông tin một cách liên tục để đạt được sự hiểu biết đầy đủ. Theo John, (1995), hiệu quả xử lý thông tin phụ thuộc vào sự phối hợp giữa trí nhớ ngắn hạn, trí nhớ dài hạn và mức độ tự động hóa của kỹ năng ngôn ngữ. Khi người học đã quen với hệ thống âm thanh, từ vựng và cấu trúc của tiếng Trung, quá trình xử lý sẽ diễn ra nhanh hơn và ít tốn công sức hơn. Như vậy, việc luyện tập thường xuyên đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng nghe hiểu.

### ***3.4. HSK là gì, tổng quan những gì cần biết về chứng chỉ HSK***

HSK (Hanyu Shuiping Kaoshi - 汉语水平考试) là Kỳ thi Năng lực Hán ngữ quốc tế chuẩn hóa, đánh giá trình độ sử dụng tiếng Trung dành cho người không dùng tiếng Trung làm ngôn ngữ mẹ đẻ. Chứng chỉ do Trung tâm Hợp tác và Giao lưu Ngôn ngữ Trung Quốc (CLEC) cấp, có giá trị toàn cầu để du học, xin học bổng, và làm việc tại các doanh nghiệp Trung Quốc.

Các cấp độ HSK hiện nay: Kỳ thi HSK (Hanyu Shuiping Kaoshi) đã trải qua quá trình phát triển từ hệ thống 6 cấp độ truyền thống (HSK 1-6) sang hệ thống mới HSK 3.0 với 9 cấp độ, nhằm đánh giá toàn diện hơn năng lực tiếng Trung của người học. Trong hệ thống HSK cũ, mỗi cấp độ có yêu cầu rõ ràng về từ vựng và khả năng sử dụng ngôn ngữ. Ở trình độ sơ cấp, HSK 1 (khoảng 150 từ) và HSK 2 (300 từ) tập trung vào khả năng nghe - hiểu và giao tiếp đơn giản trong các tình huống quen

thuộc như chào hỏi, mua sắm, hỏi đường. Lên trình độ trung cấp, HSK 3 (600 từ) yêu cầu người học có thể diễn đạt ý kiến cơ bản, mô tả trải nghiệm và hiểu các đoạn hội thoại ngắn; HSK 4 (1.200 từ) đòi hỏi khả năng giao tiếp tương đối trôi chảy, thảo luận nhiều chủ đề và hiểu văn bản có độ dài trung bình. Ở trình độ cao cấp, HSK 5 (2.500 từ) yêu cầu người học đọc hiểu báo chí, văn học phổ thông và trình bày quan điểm rõ ràng; trong khi HSK 6 (5.000 từ) hướng tới khả năng sử dụng tiếng Trung linh hoạt, hiểu sâu các văn bản phức tạp và giao tiếp hiệu quả trong môi trường học thuật hoặc chuyên môn. Đối với hệ thống HSK 3.0 (1-9), các cấp độ được mở rộng và phân hóa chi tiết hơn, với yêu cầu cao hơn không chỉ về số lượng từ vựng và chữ Hán mà còn về năng lực tư duy ngôn ngữ, khả năng diễn đạt học thuật và sử dụng tiếng Trung trong các bối cảnh chuyên sâu. Tuy nhiên, do hệ thống này vẫn đang trong quá trình triển khai, phần lớn người học tại Việt Nam hiện nay vẫn áp dụng chuẩn HSK 1-6 trong học tập và thi cử.

## **IV. Kết quả và thảo luận**

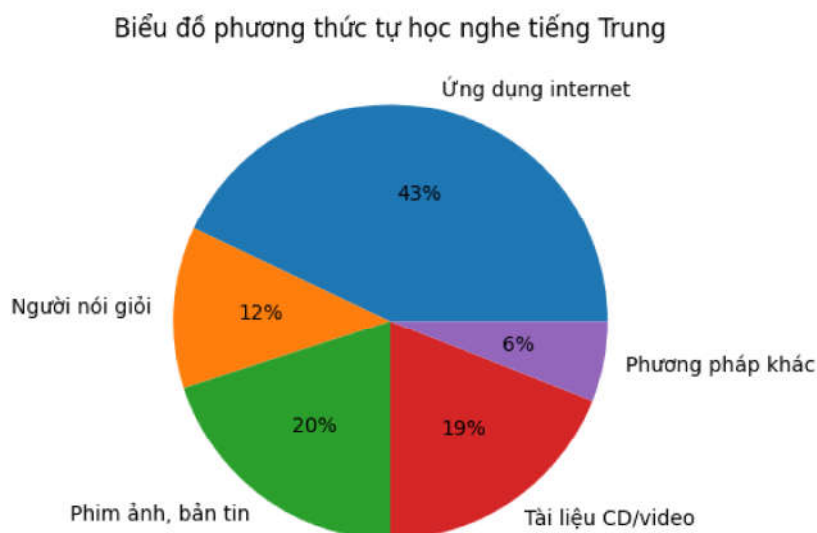
### ***4.1. Thực trạng học kỹ năng nghe của sinh viên.***

Hiện nay, kỹ năng nghe tiếng Trung của sinh viên Việt Nam đang nhận được nhiều sự quan tâm, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu học tập và làm việc với Trung Quốc ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, thực trạng luyện nghe của sinh viên vẫn còn nhiều hạn chế. Trước hết, nhiều sinh viên chưa có phương pháp học nghe hiệu quả, thường chỉ dừng lại ở việc nghe thụ động

mà không kết hợp với các hoạt động như ghi chép, nhắc lại hay phân tích nội dung. Bên cạnh đó, vốn từ vựng và ngữ pháp còn hạn chế cũng khiến việc hiểu nội dung nghe trở nên khó khăn, đặc biệt là khi gặp tốc độ nói nhanh hoặc các giọng địa phương khác nhau. Ngoài ra, môi trường luyện nghe chưa đa dạng, phần lớn sinh

viên chỉ tiếp cận với các bài nghe trong giáo trình mà ít sử dụng các nguồn tài liệu thực tế như phim ảnh, podcast hay giao tiếp với người bản ngữ.

Thông qua việc khảo sát 520 sinh viên học tiếng Trung ở các trường đại học nghiên cứu đã cho ra biểu đồ như sau:



Hình 1: Các phương thức tự học nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên

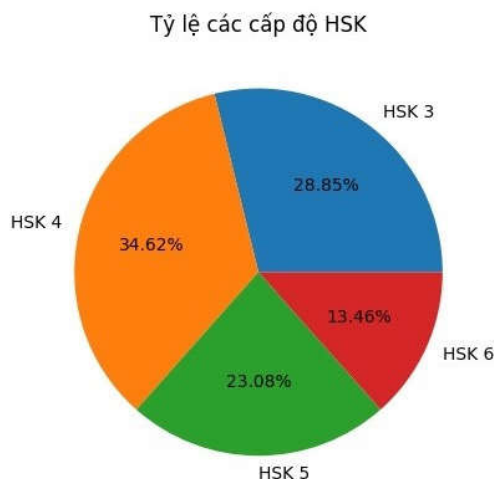
Nhìn chung, có thể thấy rằng các phương pháp học trực tuyến đang chiếm ưu thế rõ rệt. Cụ thể, việc luyện nghe thông qua các ứng dụng trên internet chiếm tỷ lệ cao nhất, đạt 43%. Điều này cho thấy sinh viên có xu hướng ưu tiên các hình thức học tập linh hoạt và có sự hỗ trợ của công nghệ. Đứng thứ hai là phương pháp luyện nghe qua phim ảnh và bản tin với 20%, cho thấy người học cũng đánh giá cao các tài liệu mang tính xác thực. Tương tự, 19% người học sử dụng các tài liệu như đĩa CD, file nghe hoặc video, chứng tỏ các phương tiện truyền thống vẫn giữ vai trò nhất định.

Ngược lại, chỉ có 12% người học luyện nghe cùng người nói tiếng Trung thành thạo, có thể do hạn chế về môi trường giao tiếp. Các phương pháp khác chiếm tỷ lệ thấp nhất, chỉ 6%.

## 4.2. Những khó khăn của việc học nghe tiếng Trung ở mỗi bài thi HSK

### 4.2.1. Thực trạng sinh viên đang ôn luyện chứng chỉ HSK

Để hiểu rõ hơn về thực trạng ôn luyện thi tiếng Trung của sinh viên ở các mức độ HSK khác nhau, nghiên cứu đã khảo sát 520 sinh viên (hiện đang học và ôn tập để thi lấy chứng chỉ này). Nghiên cứu cho ra biểu đồ sau:



Hình 2: Tỷ lệ sinh viên đang ôn luyện các cấp độ chứng chỉ HSK

Tổng số 520 sinh viên tham gia khảo sát được phân bố không đồng đều giữa các cấp độ HSK. Trong đó, cấp độ HSK 4 chiếm tỷ lệ cao nhất với 180 sinh viên (34,62%), cho thấy đây là trình độ phổ biến nhất và có thể được xem là giai đoạn trung gian mà nhiều người học hướng tới. Tiếp theo là HSK 3 với 150 sinh viên (28,85%), phản ánh số lượng người học ở trình độ sơ - trung cấp vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Ở các cấp độ cao hơn, số lượng sinh viên giảm đáng kể. Cụ thể, HSK 5 có 120 sinh viên (23,08%), cho thấy một bộ phận người học đã đạt trình độ nâng cao nhưng chưa chiếm ưu thế. Đáng chú ý, HSK 6 có tỷ lệ thấp nhất với 70 sinh viên (13,46%), phản ánh việc đạt đến trình độ cao nhất của kỳ thi đòi hỏi nhiều thời gian và nỗ lực, dẫn đến số lượng người học còn hạn chế. Nhìn chung, phân bố này cho thấy xu hướng “giảm dần theo cấp độ”, tức là càng lên trình độ cao thì số lượng người học càng ít. Điều này phù hợp với thực tế học ngoại ngữ, khi người học thường dừng lại ở mức trung cấp hoặc gặp khó khăn trong việc duy trì và nâng cao trình độ. Đồng thời, kết quả cũng gợi ý rằng cần có các chiến lược hỗ trợ học tập hiệu quả hơn, đặc biệt ở các cấp độ cao, nhằm giúp

người học vượt qua “ngưỡng khó” và tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ.

#### 4.2.2. Những khó khăn sinh viên luyện nghe HSK 3

Ôn luyện kỹ năng nghe HSK 3 giúp sinh viên làm quen với các đoạn hội thoại đơn giản trong đời sống hằng ngày như chào hỏi, mua sắm, hỏi đường hoặc học tập. Ở cấp độ này, tốc độ nói ở mức vừa phải, nội dung rõ ràng nhưng đã có câu dài hơn và đa dạng hơn về ngữ pháp. Vì vậy, sinh viên cần chú ý nghe ý chính thay vì cố hiểu từng từ. Để luyện hiệu quả, sinh viên nên nghe nhiều lần, kết hợp với việc ghi chép và làm bài tập mẫu.

Ví dụ:

A: 你去哪儿? (Nǐ qù nǎr?) - Bạn đi đâu vậy?

B: 我去图书馆学习。 - Tôi đi thư viện học.

Qua ví dụ này, người học cần nhận ra từ khóa như “去哪儿” (đi đâu) và “图书馆” (thư viện) để hiểu nội dung chính của hội thoại.

Thông qua khảo sát những khó khăn sinh viên luyện nghe HSK 3 nghiên cứu đưa ra những nguyên nhân chính và tỷ lệ phần trăm như sau:

Bảng 2: Những khó khăn của SV luyện thi HSK 3

Nguyên nhân	Thiếu vốn từ vựng	Chưa quen với tốc độ phát âm	Ngữ pháp hạn chế	Ít luyện tập thực tế	Không nắm được thanh điệu	Phát âm yếu (ảnh hưởng tới nghe)
Tỷ lệ	19%	15%	11%	9%	21%	25%

Nhìn vào bảng số liệu, có thể thấy nguyên nhân ảnh hưởng lớn nhất đến kỹ năng nghe HSK 3 của sinh viên là phát âm yếu (25%), tiếp theo là không nắm được ngữ điệu/thanh điệu (21%) và thiếu vốn từ vựng (19%). Điều này cho thấy các yếu tố liên quan đến phát âm và nhận diện âm thanh đóng vai trò quan trọng nhất trong việc nghe hiểu. Trong khi đó, các yếu tố như chưa quen với tốc độ phát âm (15%) và áp lực thời gian (11%) cũng ảnh hưởng đáng kể nhưng ở mức trung bình. Cuối cùng, ít luyện tập thực tế (9%) chiếm tỷ lệ thấp nhất, tuy nhiên vẫn là một nguyên nhân cần được sinh viên phải chú trọng.

#### 4.2.3. Những khó khăn sinh viên luyện nghe HSK 4

Trong bài thi nghe HSK 4, dạng hội thoại ngắn thường gây khó khăn

vì người học phải xử lý thông tin rất nhanh trong thời gian ngắn. Các đoạn hội thoại chỉ gồm 2-3 câu nhưng tốc độ nói nhanh, ngữ điệu tự nhiên nên dễ bị bỏ lỡ thông tin nếu không tập trung. Ngoài ra, đề thường có yếu tố gây nhiễu như nhiều thông tin tương tự (ví dụ hai mốc thời gian nhưng chỉ một đúng). Đáp án cũng không lặp lại nguyên văn mà được diễn đạt lại, như “我们明天八点出发” → “早上八点走”, hay “她今天没去上班, 因为生病了” → “她请假了”. Vì vậy, người học cần hiểu ngữ cảnh thay vì chỉ nghe từ riêng lẻ. Thông qua khảo sát những khó khăn sinh viên luyện nghe HSK 4 nghiên cứu đưa ra những nguyên nhân và tỷ lệ phần trăm như sau:

Bảng 3: Những khó khăn của SV luyện thi HSK4

Nguyên nhân	Thiếu vốn từ vựng	Ngữ pháp hạn chế	Thói quen dịch từng từ	Không quen ngữ điệu câu dài	Phân biệt thanh điệu chưa tốt	Phát âm chưa tốt dẫn tới nghe sai
Tỷ lệ	19%	20%	11%	15%	14%	21%

Hai bảng số liệu về kỹ năng nghe HSK 3 và HSK 4 cho thấy cả sự kế thừa và khác biệt rõ rệt trong các nguyên nhân gây khó khăn cho người học. Trước hết, thiếu vốn từ vựng đều chiếm tỷ lệ 19% ở cả hai cấp độ, khẳng định đây là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng xuyên suốt quá trình học. Ngoài ra, phát âm chưa tốt cũng là nguyên nhân nổi bật ở cả hai, nhưng ở HSK3 cao hơn (25%) so với HSK4 (21%), cho thấy ở trình độ thấp hơn, phát âm ảnh hưởng

trực tiếp hơn đến khả năng nghe hiểu. Tuy nhiên, khi chuyển sang HSK4, yếu tố ngữ pháp hạn chế tăng mạnh từ 11% lên 20%, phản ánh yêu cầu cao hơn về cấu trúc câu và khả năng xử lý ngôn ngữ. Đồng thời, HSK4 xuất hiện thêm nguyên nhân thói quen dịch từng từ (11%), cho thấy người học vẫn chưa hình thành tư duy nghe hiểu tự nhiên. Về ngữ điệu, nếu ở HSK3 người học chủ yếu gặp khó khăn với thanh điệu (21%), thì ở HSK4 vấn đề chuyển sang

ngữ điệu câu dài (15%) và phân biệt thanh điệu (14%), thể hiện mức độ phức tạp tăng lên. Bên cạnh đó, yếu tố ít luyện tập thực tế (9%) chỉ xuất hiện ở HSK3, cho thấy ở trình độ cơ bản, việc thiếu thực hành là một rào cản đáng kể.

#### 4.2.4. Những khó khăn sinh viên luyện nghe HSK 5

Trong bài nghe HSK 5, khó khăn thường tập trung ở Phần 2 (hội thoại dài) và Phần 3 (đoạn văn dài). Ở Phần 2, thí sinh dễ gặp câu hỏi suy luận. Ví dụ, đoạn nghe nói “他最近经常加班·连吃饭的时间都没有” nhưng câu hỏi “男的最近怎么样?” yêu cầu chọn “很忙”. Nếu chỉ nghe từng từ mà không suy luận, người học sẽ khó trả lời đúng.

Bảng 4: Những khó khăn của SV luyện thi HSK5

Nguyên nhân	Vốn từ chưa đủ rộng đặc biệt các từ vựng học thuật	Không quen với nhiều giọng khác nhau	Tâm lý khi làm bài	Không quen ngữ điệu câu dài	Phân biệt biệt thanh điệu chưa tốt	Phát âm chưa tốt dẫn tới nghe sai
Tỷ lệ %	24%	13%	17%	11%	14%	21%

Kết quả khảo sát cho thấy khó khăn trong kỹ năng nghe của sinh viên xuất phát từ nhiều nguyên nhân đan xen. Trước hết, vốn từ vựng hạn chế, đặc biệt là từ vựng học thuật (24%), khiến người học không nhận diện được từ khóa và khó nắm bắt nội dung; điều này còn do phương pháp học từ vựng chưa hiệu quả và thiếu tiếp xúc với ngữ liệu thực tế. Bên cạnh đó, phát âm chưa chính xác (21%) làm giảm khả năng nhận diện âm thanh khi nghe, đồng thời phản ánh việc sinh viên ít luyện phát âm và chưa chú trọng mối liên hệ giữa nghe và nói. Yếu tố tâm lý (17%) cũng đóng vai trò quan trọng, vì áp lực thi cử dễ làm giảm sự

Ở Phần 3, khó khăn chính là nắm ý chính. Chẳng hạn, đoạn văn nói một người ban đầu không quen công việc mới nhưng dần thích nghi, thì câu hỏi “关于他, 可以知道什么?” đòi hỏi chọn “后来适应了新工作”. Nếu nghe rời rạc, rất dễ nhầm.

Ngoài ra, các câu hỏi về mục đích hoặc thái độ người nói cũng gây khó vì thông tin không nói trực tiếp mà nằm rải rác. Điều này cho thấy HSK 5 yêu cầu không chỉ nghe hiểu mà còn phải biết tổng hợp và suy luận. Thông qua khảo sát những khó khăn sinh viên luyện nghe HSK 5 nghiên cứu đưa ra những nguyên nhân chính và tỷ lệ phần trăm như sau:

tập trung; ngoài ra, việc thiếu chiến lược làm bài như dự đoán nội dung hay xác định từ khóa càng khiến người học dễ mất mạch khi nghe. Ngoài ra, khả năng phân biệt thanh điệu chưa tốt (14%) dẫn đến hiểu sai nghĩa của từ, do sinh viên chưa được luyện tập đầy đủ với các dạng bài phân biệt âm; đồng thời, việc không quen với nhiều giọng nói khác nhau (13%) xuất phát từ việc nguồn nghe còn hạn chế, chủ yếu xoay quanh giọng chuẩn trong giáo trình. Cuối cùng, khó khăn với ngữ điệu câu dài (11%) không chỉ do cấu trúc câu phức tạp mà còn liên quan đến tốc độ nói nhanh và khả năng ghi nhớ ngắn hạn còn hạn chế, khiến

sinh viên không kịp xử lý và liên kết thông tin. Nhìn chung, các nguyên nhân này cho thấy kỹ năng nghe của sinh viên bị ảnh hưởng không chỉ bởi nền tảng ngôn ngữ mà còn bởi phương pháp học, chiến lược làm bài và mức độ tiếp xúc với ngôn ngữ thực tế.

#### 4.2.5. Những khó khăn sinh viên luyện nghe HSK 6

Trong bài thi nghe HSK 6, sinh viên không chỉ gặp khó khăn về tốc độ và từ vựng mà còn vướng mắc ở từng dạng câu hỏi. Ở phần 1, vấn đề lớn là không kịp xử lý yếu tố phủ định hoặc thay đổi ý. Ví dụ: “他本来想参加会议，后来因为生病没去”，nhiều người chỉ nghe “参加会议” nên chọn “đã tham gia”, trong khi đáp án đúng là “không đi” do có “没

去”. Ngoài ra, các câu paraphrase cũng gây khó khăn, như “态度” được diễn đạt bằng “不满意”. Sang phần 2, khó khăn nằm ở việc ghi nhớ và phân biệt chi tiết. Ví dụ: “这家餐厅价格虽然高，但是环境很好”，khi hỏi “缺点” phải chọn “价格高”，còn “优点” là “环境好”. Nhiều sinh viên nhớ chung chung nên dễ nhầm. Đến phần 3, thí sinh phải suy luận và hiểu ý gián tiếp. Ví dụ: “他每天复习到很晚，只睡五个小时”，câu hỏi “他最近的状态怎么样？” yêu cầu suy ra “压力很大”. Nếu không nắm được ý tổng thể, người học dễ chọn sai dù nhận ra từ khóa. Thông qua khảo sát những khó khăn sinh viên luyện nghe HSK 6 nghiên cứu đưa ra những nguyên nhân chính và tỷ lệ phần trăm như sau:

Bảng 5: Những khó khăn của SV luyện thi HSK6

Nguyên nhân	Thiếu vốn từ vựng học thuật, những cụm từ thành ngữ	Không quen dạng câu hỏi suy luận	Áp lực phòng thi, tâm lý căng thẳng	Không quen ngữ điệu câu dài	Phân biệt thanh điệu chưa tốt	Ít tiếp xúc với tiếng Trung thực tế
Tỷ lệ %	21%	9%	20%	15%	14%	21%

Hai bảng số liệu cho thấy những khó khăn trong kỹ năng nghe của người học ở trình độ HSK 5 và HSK 6 có nhiều điểm tương đồng, nhưng cũng xuất hiện những thay đổi đáng chú ý khi chuyển lên cấp độ cao hơn. Trước hết, vốn từ vựng học thuật vẫn là trở ngại lớn ở cả hai cấp độ, tuy nhiên tỷ lệ giảm nhẹ từ 24% (HSK 5) xuống 21% (HSK 6). Điều này cho thấy khi lên HSK 6, người học đã phần nào cải thiện vốn từ, nhưng vẫn gặp khó khăn với các yếu tố nâng cao hơn như thành ngữ và cụm từ mang tính học thuật sâu. Một điểm khác biệt rõ rệt là ở HSK 5, người học

gặp khó khăn với việc không quen nhiều giọng khác nhau (13%), trong khi ở HSK 6, yếu tố này được thay thế bằng không quen dạng câu hỏi suy luận (9%). Điều này phản ánh sự chuyển dịch từ khó khăn mang tính “nhận diện âm thanh” sang khó khăn về xử lý thông tin và tư duy suy luận. Về yếu tố tâm lý, tỷ lệ tăng từ 17% ở HSK 5 lên 20% ở HSK 6, cho thấy áp lực phòng thi ở cấp độ cao hơn trở nên rõ rệt hơn. Người học không chỉ nghe hiểu mà còn phải xử lý thông tin nhanh và chính xác, dẫn đến căng thẳng gia tăng. Khó khăn về ngữ điệu câu dài cũng tăng từ 11% lên

15%, phản ánh đặc trưng của HSK 6 với các đoạn hội thoại và bài nghe dài, cấu trúc phức tạp hơn. Trong khi đó, phân biệt thanh điệu gần như không thay đổi (14% ở cả hai cấp độ), cho thấy đây là khó khăn mang tính nền tảng, tồn tại xuyên suốt quá trình học. Đáng chú ý, yếu tố “phát âm chưa tốt” (21%) ở HSK 5 không còn xuất hiện riêng lẻ ở HSK 6, mà được thay thế bằng “ít tiếp xúc với tiếng Trung thực tế” (21%). Điều này cho thấy ở trình độ cao, vấn đề không còn chỉ nằm ở kỹ thuật phát âm mà chuyển sang thiếu môi trường sử dụng ngôn ngữ thực tế.

### V. Kết luận và đề xuất

Kết quả khảo sát cho thấy kỹ năng nghe tiếng Trung của sinh viên đang ôn thi HSK vẫn còn nhiều hạn chế mang tính hệ thống. Phần lớn người học gặp khó khăn trong việc theo kịp tốc độ nói tự nhiên, nhận diện từ vựng trong ngữ cảnh và xử lý thông tin khi bài nghe có yếu tố suy luận. Đặc biệt, ở các cấp độ cao hơn, yêu cầu về khả năng hiểu ý hàm ẩn và phân tích nội dung khiến nhiều sinh viên lúng túng. Bên cạnh đó, phương pháp luyện nghe của người học còn thiếu tính định hướng theo cấp độ, dẫn đến hiệu quả chưa cao. Từ thực trạng trên, bài viết đề xuất một số chiến lược học nghe phù hợp với từng cấp độ HSK. Ở trình độ HSK 3-4, người học cần tập trung xây dựng nền tảng ngôn ngữ, bao gồm từ vựng thông dụng và mẫu câu cơ bản. Việc luyện nghe nên bắt đầu với các đoạn hội thoại ngắn, tốc độ vừa phải, kết hợp với các kỹ thuật như nghe chép lại và lặp lại theo audio để hình thành phản xạ ngôn ngữ. Đối với HSK 5, sinh viên cần

cách luyện nghe các đoạn hội thoại dài hơn và đa dạng chủ đề. Ở giai đoạn này, kỹ năng nắm ý chính và ghi chú nhanh đóng vai trò quan trọng, giúp người học không bị “quá tải” thông tin khi làm bài. Ngoài ra, việc luyện tập với câu hỏi suy luận sẽ giúp cải thiện khả năng hiểu sâu nội dung nghe. Ở cấp độ HSK 6, người học nên tiếp cận với các nguồn nghe thực tế như tin tức, podcast hoặc bài giảng tiếng Trung. Trọng tâm là rèn luyện khả năng phân tích, nhận diện quan điểm và hiểu ý nghĩa gián tiếp. Đồng thời, cần làm quen với nhiều giọng nói khác nhau để tăng khả năng thích ứng trong phòng thi. Bên cạnh các phương pháp truyền thống, việc ứng dụng công nghệ AI đang mở ra nhiều hướng tiếp cận hiệu quả trong luyện nghe. Một số ứng dụng tiêu biểu có thể kể đến như Duolingo với hệ thống bài nghe tương tác và cá nhân hóa lộ trình học; HelloChinese chuyên sâu cho tiếng Trung, cung cấp bài nghe theo cấp độ HSK; Speechling hỗ trợ luyện nghe - nói thông qua phản hồi từ AI và người hướng dẫn; hay YouGlish giúp tra cứu cách phát âm và ngữ cảnh sử dụng từ trong video thực tế. Ngoài ra, các công cụ như Chat GPT cũng có thể được sử dụng để tạo hội thoại, kiểm tra hiểu nội dung và luyện nghe theo nhu cầu cá nhân.

Tóm lại, việc nâng cao kỹ năng nghe không chỉ phụ thuộc vào số lượng bài luyện mà còn cần có chiến lược phù hợp với từng cấp độ. Sự kết hợp giữa phương pháp học truyền thống và công nghệ AI sẽ góp phần cải thiện đáng kể hiệu quả ôn thi HSK trong bối cảnh hiện nay.

**Tài liệu tham khảo**

- Anderson, J. R. (1995). *Cognitive psychology and its implications* (4th ed.). W. H. Freeman and Company.
- Krashen, S. D. (1985). *The input hypothesis: Issues and implications*. Laredo Publishing Company.
- Luu, H. V. (2019). *Chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, 253(9), 56-66.
- Qian, Y. (钱玉莲). (2007). 代汉语词汇学习策略--对留学生的研究 [Chiến lược học tập từ vựng tiếng Trung hiện đại - Nghiên cứu đối với lưu học sinh]. 北京语言大学出版社 (NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh).
- Rost, M. (2011). *Teaching and researching listening* (2nd ed.). Routledge.
- Wang, Y. (王尧美). (2013). 来华预科留学生汉语学习策略研究 [Nghiên cứu chiến lược học tập tiếng Trung của sinh viên dự bị tại Trung Quốc]. 世界图书出版公司 (Công ty Xuất bản Sách Thế giới).
- Wu, J. (吴剑). (2018). 初级水平外国留学生的汉语听力学习策略 [Chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung của lưu học sinh nước ngoài trình độ sơ cấp]. 汉语国际教育研究 (*Nghiên cứu Giáo dục Hán ngữ Quốc tế*), số 3, 45-52.
- Xu, L. (徐丽华), & Zhou, Y. (周颖). (2016). 非洲汉语学习者听力学习策略调查研究 [Nghiên cứu khảo sát chiến lược học tập kỹ năng nghe của người học tiếng Trung tại Châu Phi]. 汉语国际教育研究 (*Nghiên cứu Giáo dục Hán ngữ Quốc tế*), số 1, 102-110.

## A SURVEY OF CHINESE LISTENING SKILLS OF STUDENTS STUDYING AT SEVERAL UNIVERSITIES IN HANOI TAKING THE HSK EXAM

Nguyen Thi Hong Hanh<sup>1</sup>

**Abstract:** *In the context of globalization and the rapid expansion of international cooperation, learning foreign languages, especially Chinese, has become increasingly essential. Along with this trend, the HSK certificate-a widely recognized measure of Chinese language proficiency-has attracted great interest from learners, particularly those intending to study, work, or engage in cultural exchange with China. Among the four language skills, listening is considered the most challenging, requiring students not only to possess a large vocabulary but also to have a strong command of grammatical structures and idiomatic expressions in Chinese. In addition, many students have not yet identified appropriate and effective methods for learning and practicing listening skills, leading to unsatisfactory results in their preparation, especially for HSK examinations. These difficulties not only affect the quality of test performance but also directly impact learners' academic outcomes. Based on the analysis of the collected data, this study evaluates the causes of students' limitations in listening skills. Accordingly, the paper proposes several practical solutions and effective learning orientations to help learners improve their Chinese listening ability. Two research methods were employed in this study: a quantitative method using questionnaires to collect data from a large number of students, and a qualitative method including interviews, observations, and document analysis.*

**Keywords:** *listening skills, HSK, students, Chinese language, listening learning methods*

---

<sup>1</sup> Vietnam University of Traditional Medicine, Hanoi, Vietnam